

Số: **4027** /LĐTBXH-KHTC

Hà Nội, ngày **07** tháng **10** năm 2022

V/v báo cáo tình hình giải ngân vốn đầu tư
công quỹ III/2022 và ước giải ngân quý IV/2022

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính.

Thực hiện Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT ngày 25/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chế độ báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công; Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công; Công văn số 2346/BTC-ĐT ngày 10/3/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn báo cáo tình hình giải ngân hằng quý, xác định nhu cầu giải ngân quý tiếp theo theo quy định tại Nghị quyết số 11/2022/NQ-CP, Công văn số 9972/BTC-ĐT ngày 30/9/2022 của Bộ Tài chính về việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công nguồn vốn nước ngoài năm 2022, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cập nhật và báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công quý III/2022 như sau:

1. Tổng số vốn được giao trong năm 2022 là: 803,183 tỷ đồng, trong đó:
 - Vốn kế hoạch năm 2021 được phép kéo dài sang năm 2022: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã đề nghị cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài 136,983 tỷ đồng sang năm 2022.
 - Vốn thuộc kế hoạch năm 2022 là: 666,2 tỷ đồng.
2. Lũy kế thanh toán từ đầu năm đến hết tháng 9/2022 là: 169,072 tỷ đồng, đạt 21% kế hoạch.
 - Thanh toán kế hoạch vốn năm 2021 được phép kéo dài sang 2021: 47,140 tỷ đồng, đạt 34,4% kế hoạch.
 - Thanh toán kế hoạch vốn năm 2022 là: 121,932 tỷ đồng, đạt 18,3%. Trong đó vốn trong nước là 96,927 tỷ đồng, đạt 22,7% kế hoạch; vốn nước ngoài là 25,005 tỷ đồng, đạt 10,4%
3. Đối với các dự án ODA kế hoạch năm 2022
 - Kế hoạch vốn ODA được giao trong năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được giao là 239,8 tỷ đồng để triển khai thực hiện 01 dự án “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện” vay vốn ODA của Ngân hàng Phát triển châu Á tại các Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh, Đại học sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long và Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất. Kế hoạch vốn năm 2022 để tiếp tục triển khai thực hiện các hợp đồng mua sắm thiết bị đã ký hợp đồng trong năm 2021 và đấu thầu một số gói thầu mới (tỷ lệ vốn dành cho đấu thầu gói thầu mới chỉ chiếm 10% kế hoạch vốn). Do quy định của hợp đồng mua sắm thiết bị, sau khi nhà thầu hoàn thành

lắp đặt tỉnh thiết bị mới đủ điều kiện thanh toán 60% giá trị hợp đồng. Tất cả các hợp đồng mua sắm thiết bị của năm 2021 đều ký hợp đồng trong tháng 12/2021, nên đến thời điểm tháng 9/2022 mới đến thời hạn nghiệm thu, giải ngân vốn. Tính đến 30/9/2022, số vốn nước ngoài đã giải ngân là 25,005 tỷ đồng, đạt 10,4% kế hoạch. Ước giải ngân cả năm 2022 vốn ngoài nước là 220,130 tỷ đồng, đạt 92% kế hoạch. Số vốn không có khả năng giải ngân 19,67 tỷ đồng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 2997/LĐTBXH-KHTC ngày 05/8/2022 đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính sớm báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép điều chuyển cho các đơn vị khác có nhu cầu sử dụng.

- Một số khó khăn, vướng mắc và giải pháp khắc phục: Tình hình dịch Covid - 19 thời gian qua dẫn đến việc nhập khẩu thiết bị khó khăn, vì vậy các hợp đồng đã ký đều phải gia hạn khoảng 01 - 02 tháng. Ngoài ra, các gói thầu mới gặp khó khăn trong việc thuê đơn vị thẩm định giá để xác định giá gói thầu nên việc triển khai chậm hơn dự kiến. Theo kế hoạch, trong những tháng cuối năm 2022 các dự án sẽ tổ chức lựa chọn nhà thầu cho 02 gói thầu, 03 gói thầu còn lại sẽ chuyển sang thực hiện năm 2023. Hiện tại, các hợp đồng mua sắm thiết bị đã ký kết năm 2021 đã cơ bản hoàn thành công tác lắp đặt, nghiệm thu tỉnh và đang thực hiện kiểm soát chi thanh toán tại các kho bạc địa phương, dự kiến sẽ giải ngân thanh toán 60% giá trị hợp đồng trong tháng 10/2022 và giải ngân lần cuối trong quý IV năm 2022, đảm bảo hoàn thành số vốn ODA còn lại sau khi đã được điều chỉnh giảm vốn kế hoạch năm 2022.

Chi tiết tại các Phụ lục đính kèm.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./. *BC*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Bá Hoan (để báo cáo);
- Trung tâm thông tin (trên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, KHTC.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH**



Phạm Quang Phụng



TOÁN VỐN ĐẦU TƯ
PTBXH-KHTC ngày 02/

Phụ lục I

[illegible]

Phụ lục II

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022, VỐN TRONG NƯỚC

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư đầu tư/chủ trương đầu tư			Kế hoạch năm 2022			Giá trị giải ngân quý III/2022
				Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó		
					Tổng số	Trong đó: NSNN		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
A	TỔNG CỘNG						382.589			84.571
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực						382.589			84.571
I	Xã hội						146.785			61.305
	Thực hiện dự án						146.785			61.305
	Dự án hoàn thành						32.464			589
	Dự án nhóm B						32.464			589
1	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Thanh Hóa	Thanh Hóa	2019-2022	1512/QĐ-LĐTBXH ngày 31/10/2018	67.710	67.710	32.464			589
	Dự án chuyển tiếp						84.321			60.015
	Dự án nhóm B						84.321			60.015
1	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Bạc Liêu	Bạc Liêu	2021-2024	1604/QĐ-LĐTBXH ngày 29/12/2020	88.700	88.700	42.321			20.735
2	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Đồng Tháp	Đồng Tháp	2021-2024	1605/QĐ-LĐTBXH ngày 29/12/2020	88.380	88.380	42.000			39.280
	Dự án khởi công						30.000			701
1	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Nghệ An - giai đoạn 2	Nghệ An	2022-2025	1481/QĐ-LĐTBXH ngày 29/12/2021	70.300	70.300	30.000			701
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp						121.304			3.011
	Dự án chuẩn bị đầu tư						6.000			-
	Dự án nhóm A						6.000			-

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư đầu tư/chủ trương đầu tư			Kế hoạch năm 2022			Giá trị giải ngân quý III/2022
				Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó		
					Tổng số	Trong đó: NSNN		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	Trung tâm Quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao tại 3 miền Bắc, Trung, Nam						6.000			-
	Dự án hoàn thành						15.304			1.211
1	Trường Đại học Lao động xã hội (Cơ sở 2 Tp. Hồ Chí Minh)	Tp. HCM	2019-2022	1503/QĐ-LĐTBXH ngày 30/10/2018	108.000	#####	15.304			1.211
	Dự án khởi công mới						100.000			1.800
	Dự án nhóm B						100.000			1.800
1	Cải tạo, nâng cấp Trường Đại học Lao động Xã hội	Hà Nội	2022-2025	1494/QĐ-LĐTBXH ngày 30/12/2021	60.300	60.300	60.000			774
2	Cải tạo, nâng cấp Trường Đại học SPKT Nam Định	Nam Định	2022-2025	1493/QĐ-LĐTBXH ngày 30/12/2021	80.000	80.000	40.000			1.026
III	Khoa học công nghệ						500			100
	Chuẩn bị đầu tư						500			100
1	Nhà nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển công nghệ thuộc Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long	Vĩnh Long		1089/QĐ-LĐTBXH ngày 29/9/2021	170.000	70.000	500			100
VI	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội						114.000			20.155
	Dự án chuyển tiếp						114.000			20.155
	Dự án nhóm B						114.000			20.155
1	Trụ sở liên cơ quan Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Hà Nội	2020-2023	1623/QĐ-LĐTBXH ngày 31/10/2019	485.000	#####	114.000			20.155
B	VỐN NGUỒN THU ĐỂ LẠI CHO ĐẦU TƯ						103.000			8.914
1	Trung tâm bồi dưỡng lao động xuất khẩu						103.000			8.914

Phụ lục III

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 CÁC DỰ ÁN ODA

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư								Kế hoạch năm 2022				Luỹ kế giải ngân đến quý III/2022				Ghi chú		
			Số quyết định	TMĐT							Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)			
					Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số		Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước					
								Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại											
1	2		7	8	9	10	11	12	13	14	31	32	33	34	31	32	33	34	35		
	TỔNG SỐ										283.611	43.811		239.800	37.848	12.843		25.005			
	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022																				
I	Dự án "Chương trình kỹ năng và Kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện"										283.611	43.811		239.800	37.848	12.843		25.005			
	Dự án nhóm B																				
(1)	Dự án thành phần 2 tại Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh	2021-2024	QĐ số 1586/QĐ-LĐTBXH ngày 9/11/2018 của Bộ LĐTBXH	164.669	25.082	24.077	6,15 triệu USD	139.587	125.628	13.959	85.865	11.610		74.255	28.567	3.821		24.746			



TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư								Kế hoạch năm 2022				Luỹ kế giải ngân đến quý III/2022				Ghi chú	
			Số quyết định	TMĐT							Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Vốn đối ứng nguồn NSTW			Vốn nước ngoài (vốn NSTW)				
					Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số			Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số			Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước			
								Tổng số	Trong đó:									Đưa vào cân đối NSTW		Vay lại
(2)	Dự án thành phần 3 tại Đại học sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long	2021-2024	QĐ số 1585/QĐ-LĐTBXH ngày 9/11/2018 của Bộ LĐTBXH	191.748	28.330	27.867	7,2 triệu USD	163.418	147.075	16.343	100.670	12.472		88.198	514	514				
(3)	Dự án thành phần 4 tại Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất	2021-2024	QĐ số 1587/QĐ-LĐTBXH ngày 9/11/2018 của Bộ LĐTBXH	133.170	19.685	19.685	5 triệu USD	113.485	102.137	11.348	89.176	12.229		76.947	4.976	4.976				
Dự án nhóm C																				
(4)	Dự án "Dịch vụ tư vấn" (Dự án thành phần 1) thuộc Dự án "Chương trình Kỹ năng và Kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện"	2021-2024	QĐ số 717/QĐ-LĐTBXH ngày 19/6/2020	36.316	34.046	34.046	0,1 triệu USD	2.270	2.270	-	7.900	7.500	-	400	3.791	3.532		259		



Phụ lục số 03
KẾ HOẠCH NĂM 2021 KÉO DÀI SANG NĂM 2022

Số TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2021 kéo dài sang năm sau 2022	Giải ngân đến 30/9/2022
	TỔNG CỘNG	136.983	47.140
	<i>Vốn trong nước</i>		
A	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực		
	Nhiệm vụ lập Quy hoạch		
1	Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng	759	
2	Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội	778	
3	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp	1.081	
I	<u>Xã hội</u>		
	Thực hiện dự án		
	<i>Dự án hoàn thành</i>		
	<i>Dự án nhóm B</i>		
1	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Bình Định	2.943	
2	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Vĩnh Long	1.890	
3	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Sơn La	2.915	
4	Trung tâm điều dưỡng thương binh Lạng Giang	13.397	7.681
5	Trung tâm phục hồi sức khỏe người có công Sầm Sơn	21.211	1.194
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		
	<i>Dự án nhóm B</i>		
1	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Thanh Hóa	10.674	6.730
	<i>Dự án khởi công mới</i>		
	<i>Dự án nhóm B</i>		
1	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Bạc Liêu	17.437	10.332
2	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Đồng Tháp	17.208	17.208
II	<u>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</u>		



Số TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2021 kéo dài sang năm sau 2022	Giải ngân đến 20/8/2022
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		
1	Trường Đại học Lao động xã hội (Cơ sở 2 Tp. Hồ Chí Minh)	6.371	2.501
IV	<u>Y tế, dân số và gia đình</u>		
	<i>Dự án hoàn thành</i>		
	<i>Dự án nhóm B</i>		
1	Mua sắm trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Tp Hồ Chí Minh	4.915	
VI	<u>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội</u>		
	<i>Dự án hoàn thành</i>		
	<i>Dự án nhóm B</i>		
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở 35 Trần Phú	2.534	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		
	<i>Dự án nhóm B</i>		
1	Trụ sở liên cơ quan Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	32.870	1.494

